

Số: **314** /QĐ-LĐTBXH

Hà Nội, ngày **22** tháng **3** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Hà

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



VÀ XÃ HỘI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG**

của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

**thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ
thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về
phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh
vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 314 /QĐ-LĐTBXH ngày 22/3/2023
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch hành động với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 để thống nhất trong chỉ đạo, tổ chức quán triệt, triển khai quyết liệt, hiệu quả tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành tầm quan trọng của việc triển khai Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị.

2. Kế hoạch hành động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhằm cụ thể hóa quan điểm, đường lối, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lao động, người có công và xã hội; đồng thời, xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung triển khai thực hiện tại vùng Tây Nguyên.

3. Các đơn vị thuộc Bộ tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch hành động của Bộ, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong công tác tham mưu, xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về lao động, người có công và xã hội, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên và cả nước.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Quán triệt, tuyên truyền, tạo sự thống nhất, đồng thuận trong việc xây dựng và thực hiện các chương trình và kế hoạch hành động của Bộ

- Tổ chức quán triệt các nội dung của Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức, nâng tầm tư duy và tạo quyết tâm cao về nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Văn phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo chí, các đơn vị thuộc Bộ tổ chức tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 23-NQ/TW với quy mô sâu rộng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng để đạt hiệu quả cao nhất.

2. Tập trung, thực hiện tốt công tác hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Nâng cao năng lực, hiệu quả, chất lượng công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Nghiên cứu, hoàn thiện thể chế phát triển thị trường lao động, giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, lao động có kỹ năng, đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Trình ban hành và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các quy hoạch ngành quốc gia¹, hình thành mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng nhằm đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội có chất lượng của người dân; phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhất là các trường chất lượng cao, đa ngành, đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Vùng.

3. Phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm

- Thực hiện đồng bộ nhiệm vụ, giải pháp phát triển thị trường lao động theo Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập, nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội, Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động giai đoạn 2021-2030, các Chương trình, đề án, giải pháp về phục hồi và phát triển thị trường lao động.

- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong kết nối cung - cầu lao động, tạo thuận lợi cho việc tuyển dụng và sử dụng lao động của doanh nghiệp; nâng cao năng lực phân tích, dự báo cung - cầu lao động, kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động giữa các tỉnh trong vùng Tây Nguyên với vùng Đông Nam Bộ, các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ và cả nước.

¹ Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tăng cường các hoạt động quản lý nhà nước, điều tiết về cung - cầu lao động; thúc đẩy chuyển dịch lao động, phân bổ hợp lý lao động; nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm, tăng cường kết nối liên vùng; đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, các sàn giao dịch việc làm, chủ động cung ứng nguồn lao động đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp, thị trường lao động.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án về giải quyết việc làm trong nước, nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ tạo và tự tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm; chú trọng hỗ trợ lao động di cư từ nông thôn ra thành thị, lao động nông nghiệp chuyển đổi ngành nghề, thanh niên người dân tộc thiểu số và lao động thuộc nhóm yếu thế.

- Phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương, an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp.

- Triển khai Chỉ thị số 22 - CT/TW ngày 22/12/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; đẩy mạnh công tác tuyên truyền về hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; làm tốt công tác tạo nguồn, tuyển chọn, đào tạo người lao động trước khi đưa đi làm việc ở nước ngoài. Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối để tìm kiếm thị trường mới, ngành nghề mới và nhu cầu tuyển dụng lao động phù hợp với trình độ, kỹ năng của người lao động của vùng Tây Nguyên. Thực hiện đồng bộ các chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đặc biệt là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người lao động sinh sống tại vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường quản lý, bảo vệ quyền lợi của người lao động làm việc ở nước ngoài; kết nối, giới thiệu việc làm cho người lao động hết hạn hợp đồng về nước.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, gắn kết công tác đào tạo nghề với thị trường lao động

- Triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ); Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ); hướng dẫn các địa phương thực hiện việc rà soát, sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và vùng; trong đó có 01 - 02 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

- Thúc đẩy các hoạt động truyền thông về GDNN. Đẩy mạnh triển khai các chương trình hướng nghiệp dành cho học sinh, sinh viên; nâng cao năng lực tư vấn hướng nghiệp; phân luồng, định hướng nghề nghiệp và việc làm cho người học. Tạo môi trường hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở GDNN và tìm kiếm ý

tưởng khởi nghiệp sáng tạo của học sinh, sinh viên; hỗ trợ khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp.

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý nhà nước, quản trị cơ sở GDNN góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, thị trường lao động. Tăng cường công tác tuyển sinh và tổ chức đào tạo; trong đó, tập trung đào tạo các ngành, nghề theo quy hoạch vùng được phê duyệt; tăng cường đào tạo chất lượng cao, đa dạng hóa các hình thức tổ chức đào tạo, đẩy mạnh triển khai đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn; đào tạo và đào tạo lại cho người lao động để phát triển nguồn nhân lực cho phục hồi kinh tế và đáp ứng Cách mạng Công nghiệp 4.0. Hướng dẫn địa phương, cơ sở GDNN phối hợp ngành giáo dục triển khai thực hiện Quyết định số 552/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”. Triển khai mô hình đào tạo, đào tạo lại trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác gắn với việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Thực hiện đào tạo, đào tạo lại cho người lao động bị thất nghiệp; hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

- Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng GDNN; phát triển chương trình đào tạo theo mô đun, tín chỉ; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN; xây dựng, cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung các chuẩn về GDNN. Phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng và thiết lập hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng. Thực hiện Kế hoạch triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ GDNN giai đoạn 2021-2025.

- Tăng cường gắn kết GDNN với doanh nghiệp và thị trường lao động. Xây dựng cơ chế doanh nghiệp chia sẻ, cung cấp thông tin về số lượng, trình độ, kỹ năng của người lao động cần có đối với doanh nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính, thực hiện chuyển đổi số trong GDNN. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về GDNN.

5. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, nâng cao đời sống người có công và thân nhân

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác chăm sóc người có công với cách mạng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ưu đãi người có công với cách mạng. Triển khai quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau khi được phê duyệt).

- Thực hiện đầy đủ, hiệu quả, công khai, minh bạch các chính sách và chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng; chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng, chỉnh hình, phục hồi chức năng, cung cấp dụng cụ trợ giúp đối với người có công với cách mạng.

- Tiếp tục thực hiện Đề án xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin; xác nhận, công nhận người có công với cách mạng. Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý về chi trả trợ cấp, hồ sơ người có công với cách mạng, liệt sỹ, mộ liệt sỹ và nghĩa trang liệt sỹ, tiến tới xây dựng cơ sở dữ liệu chung trên toàn quốc về lĩnh vực ưu đãi người có công với cách mạng.

- Tu sửa, nâng cấp mộ liệt sỹ, các công trình nghĩa trang liệt sỹ, đài tưởng niệm đảm bảo khang trang, đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng của Nhân dân, giáo dục truyền thống cho các thế hệ trẻ. Đẩy mạnh các phòng trào “Đền ơn đáp nghĩa” và huy động nguồn lực của xã hội để chăm sóc người có công với cách mạng.

6. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo

- Chỉ đạo địa phương tăng cường nâng cao nhận thức của các cấp uỷ Đảng đối với công tác giảm nghèo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy ý chí vươn lên chủ động thoát nghèo của người nghèo. Truyền thông, nâng cao nhận thức các cấp, các ngành, người dân và cộng đồng về công tác giảm nghèo; chú trọng truyền thông định hướng người nghèo và cộng đồng, địa bàn nghèo tiếp cận, tham gia, thụ hưởng các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo và chủ động, nỗ lực vươn lên thoát nghèo.

- Yêu cầu thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách giảm nghèo, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Đổi mới tư duy, phương thức giảm nghèo bảo đảm tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững, người nghèo được tham gia và thụ hưởng thành quả của tăng trưởng kinh tế. Tập trung giải quyết các nhóm nghèo nhất, vùng nghèo nhất, chiều thiếu hụt nhiều nhất về dịch vụ xã hội cơ bản, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, miền, dân tộc trong vùng Tây Nguyên.

- Chỉ đạo các địa phương thực hiện hiệu quả việc hỗ trợ người dân có việc làm, sinh kế, vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống; các địa bàn nghèo để thoát khỏi tình trạng khó khăn, xây dựng nông thôn mới. Nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, phát huy các sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng; triển khai các mô hình việc làm công gắn với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn; các mô hình hợp tác, liên kết giữa các hộ nghèo với doanh nghiệp trong sản xuất, bao tiêu sản phẩm, thu hút lao động nghèo vào làm việc ổn định trong các doanh nghiệp.

- Hướng dẫn, đôn đốc thực hiện lồng ghép các chương trình, đề án, nhất là các Chương trình mục tiêu quốc gia, trên địa bàn Vùng; huy động nguồn lực xã hội cho công tác giảm nghèo. Tập trung đầu tư trọng điểm cho các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng miền núi.

7. Thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách pháp luật, các chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ các đối tượng yếu thế trong xã hội, nhất là người cao tuổi,

người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. Đẩy mạnh chi trả chính sách trợ giúp xã hội bằng phương thức điện tử.

- Tăng cường trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người khuyết tật, người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng; chăm sóc và phát huy người cao tuổi. Huy động mọi nguồn lực xã hội, phát triển các hình thức trợ giúp dựa vào cộng đồng để tạo điều kiện, cơ hội cho các đối tượng yếu thế vượt qua hoàn cảnh, vươn lên hòa nhập cộng đồng.

- Thực hiện tốt công tác trợ giúp xã hội dịp tết Nguyên Đán và giáp hạt đầu năm; nắm chắc tình hình thiệt hại, chủ động rà soát, tổng hợp tình hình thiếu đói để có các giải pháp hỗ trợ kịp thời người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

- Triển khai Quy hoạch mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau khi được phê duyệt), bảo đảm cung cấp các dịch vụ công tác xã hội, trợ giúp xã hội cho đối tượng có nhu cầu. Xây dựng, triển khai các mô hình cung cấp dịch vụ công tác xã hội, chăm sóc, giáo dục và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng; các mô hình hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật; đổi mới công tác trợ giúp xã hội thường xuyên và đột xuất; phát triển mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng; khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân triển khai các mô hình chăm sóc người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật, nhất là mô hình nhà dưỡng lão.

8. Tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện, bảo đảm thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em

- Rà soát, đánh giá, tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về trẻ em; tăng cường thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm bảo đảm quyền trẻ em, đặc biệt phòng, chống xâm hại trẻ em, giảm thiểu tai nạn, thương tích ở trẻ em, nhất là tai nạn đuối nước.

- Đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động truyền thông, phổ biến giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền trẻ em, bổn phận của trẻ em phù hợp với từng nhóm đối tượng; chú trọng truyền thông trực tiếp nhằm bảo đảm các thông tin, sản phẩm truyền thông, thông tin về Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (Tổng đài 111) và các dịch vụ bảo vệ trẻ em đến từng gia đình, lớp học, cộng đồng dân cư và trẻ em.

- Tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em. Triển khai đồng bộ các biện pháp bảo vệ trẻ em theo 3 cấp độ. Tăng cường phối hợp liên ngành trong phòng ngừa, phát hiện, hỗ trợ, can thiệp, xử lý các vụ việc xâm hại trẻ em, hỗ trợ và chăm sóc trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, đặc biệt về phòng, chống xâm hại, tai nạn thương tích trẻ em cho chính quyền các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, cha mẹ và trẻ em. Thí điểm và nhân rộng các mô hình về bảo

vệ, chăm sóc trẻ em, ưu tiên mô hình về phòng, chống bạo lực, xâm hại, giảm tai nạn thương tích trẻ em, nhất là tai nạn đuối nước.

- Thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em, đặc biệt về phòng, chống xâm hại, tai nạn thương tích trẻ em. Xác định rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra bạo lực, xâm hại trẻ em; xử lý nghiêm hành vi vi phạm quyền trẻ em. Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em theo quy định và tình hình thực hiện nội dung tiêu chí 18.5 liên quan đến phòng chống xâm hại trẻ em, bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

9. Thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ

- Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật bảo đảm các nguyên tắc bình đẳng giới trên các lĩnh vực có liên quan, quan tâm, xây dựng các chính sách đặc thù đối với nhóm dân tộc thiểu số. Thực hiện lồng ghép các nội dung bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật và các chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các hương trình mục tiêu quốc gia. Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển của đất nước.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, trách nhiệm quản lý của chính quyền các cấp trong việc nâng cao nhận thức, triển khai thực hiện và hoàn thiện thể chế về bình đẳng giới. Xây dựng và triển khai các Chương trình nhằm thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Hỗ trợ, nâng cao năng lực cho các cơ sở cung cấp dịch vụ phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, xây dựng các mô hình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới tại các địa phương.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân về bình đẳng giới. Tăng cường năng lực bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới các cấp; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. Tăng cường hợp tác quốc tế trong thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới.

10. Tăng cường công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện; phòng, chống mại dâm và hỗ trợ kịp thời nạn nhân bị mua bán

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy, mại dâm và mua bán người. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy, hỗ trợ người bán dâm và nạn nhân bị mua bán. Có chính sách ưu đãi, hỗ trợ về công tác cai nghiện ma túy, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện ma túy là người dân tộc, người ở khu vực biên giới, triển khai hiệu quả các mô hình cai nghiện ma túy (Quân-Dân-Y,...) góp phần giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Rà soát, thống kê, phân loại, quản lý, đánh giá chính xác tình hình người nghiện và người sử dụng trái phép chất ma túy; hỗ trợ và tổ chức cai nghiện ma túy bằng các hình thức phù hợp với từng loại đối tượng, địa bàn. Nghiên cứu, xây dựng và triển khai các mô hình cai nghiện, quản lý sau cai. Tăng cường đầu tư đổi mới, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung nguồn lực cho các cơ sở cai nghiện ở địa phương. Ứng dụng công nghệ thông tin về việc cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy, xây dựng đường dây nóng tư vấn cai nghiện ma túy.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động phòng ngừa thông qua việc lồng ghép nhiệm vụ phòng, chống mại dâm với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương đặc biệt chú trọng đến vấn đề giải quyết việc làm, hỗ trợ sinh kế cho nhóm thanh, thiếu niên ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa tại các tỉnh vùng Tây Nguyên. Tăng cường kiểm tra, quản lý chặt chẽ điều kiện thành lập, hoạt động của các cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn mại dâm; phát hiện và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật tại các cơ sở này.

- Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về tái hòa nhập cộng đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm:

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại các Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch hành động này của Bộ; xây dựng kế hoạch thực hiện hoặc lồng ghép với các nhiệm vụ, đề án, chương trình cụ thể thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị để tổ chức thực hiện bảo đảm đồng bộ, hiệu quả trên địa bàn vùng Tây Nguyên; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện trước ngày 10/12/2023, gửi Bộ (Vụ Kế hoạch - Tài chính) để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

- Chủ động theo dõi, nắm chắc tình hình thực hiện chính sách pháp luật về lao động, người có công và xã hội ở địa phương, cơ sở để kịp thời chỉ đạo, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn, các vi phạm pháp luật.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch hành động này, định kỳ báo cáo và đề xuất với Bộ trưởng về các biện pháp cần thiết bảo đảm Kế hoạch hành động được thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động này, nếu cần sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể, các đơn vị chủ động đề xuất, gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

Phụ lục 1

ĐỀ XUẤT ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ ĐỂ ĐƯA VÀO CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 152-NQ-CP NGÀY 15/11/2022 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Kế hoạch hành động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Quyết định số ~~517~~/QĐ-LĐTBXH ngày ~~22~~ tháng ~~3~~ năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Tên đề án/nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình/phê duyệt
1	Đề án Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn	Tổng cục GDNN (Bộ LĐTBXH)	Bộ NNPTNT và các bộ, ngành liên quan	Tháng 10/2023	Thủ tướng Chính phủ
2	Đề án Nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam	Tổng cục GDNN (Bộ LĐTBXH)	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Tháng 12/2023	Thủ tướng Chính phủ
3	Đề án xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp	Tổng cục GDNN (Bộ LĐTBXH)	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Tháng 12/2023	Thủ tướng Chính phủ
4	Đề án phát triển kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho lực lượng lao động	Tổng cục GDNN (Bộ LĐTBXH)	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Tháng 12/2023	Thủ tướng Chính phủ
5	Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên giai đoạn 2021-2030	Bộ LĐTBXH	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	Năm 2023	Bộ LĐTBXH